| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 84 /2020/HSPT
Ngày: 21-8-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Đức Long.

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Thái Sơn,

Ông: Nguyễn Xuân Việt.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2020/HSPT ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn B cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Hửu H (Nguyễn Hữu H), Nguyễn Đình H1 và do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo: **Lê Văn B**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1964 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H và 04 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/7/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Tụ tập nhiều người ở UBND xã gây mất trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/8/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

2. Bị cáo: **Hoàng Hửu H,** (tên gọi khác: Hoàng Hữu H), sinh ngày 05 tháng 4 năm 1969 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn

Thị V (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Bị cáo: **Nguyễn Đình H1, s**inh ngày 26 tháng 9 năm 1980 tại huyện L, Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1944 và bà Lê Thị H, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Các bị cáo bị kháng nghị:*

4. Bị cáo: **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1968 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị K (đã chết); Vợ: Ngô Thị H, sinh năm 1972 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/8/2019 cho đến ngày 12/5/2020 được trả tự do tại phiên tòa, có mặt.

5. Bị cáo: **Nguyễn Văn H2,** sinh ngày 25 tháng 12 năm 1976 tại L, Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1944 và bà Lê Thị H, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Bị cáo: **Ngô Văn H3**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1967 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Ngô Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Bị cáo: **Nguyễn Thị H4,** sinh ngày 08 tháng 5 năm 1970 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1943 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1943; Chồng: Trần Viết L, sinh năm 1968 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa* cho các bị cáo Lê Văn B, Hoàng Hửu H (Hoàng Hữu H), Nguyễn Đình H1: Ông Bảo Cường – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bảo Cường, đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Số 11 đường Trần Cao Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

- *Người làm chứng:*

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đăng Q – Công chức tư pháp xã N. Có mặt.

- Ông: Trần Văn S

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Vụ án có các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị cáo; không liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/7/2019, Hội đồng nhân dân (HĐND) xã N1 (nay là xã N) tiến hành kỳ họp thứ 9 HĐND xã khóa VIII nhiệm kỳ 2016-2021 tại trụ sở HĐND – UBND xã. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi ông Trần Văn Đ – Chủ tịch UBMTTQVN xã đang đọc Báo cáo công tác mặt trận tham gia xây dựng chính quyền thì Lê Văn B cùng một số người dân đưa chiếc tàu khai thác thủy sản số QB 56230 TS của anh Lê Thanh H (con trai của Lê Văn B) đến đặt ngang trước cổng ra vào trụ sở HĐND – UBND xã N.

Đến khoảng 08 giờ 40 phút, Lê Văn B cùng Nguyễn Văn Q, Hoàng Hửu H, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3 và một số người đi vào và đứng trước cửa Hội trường (nơi đang diễn ra kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân xã N khóa VIII). Lê Văn B, Nguyễn Văn Q, Hoàng Hửu H, Ngô Văn H3, Nguyễn Thị H4 lớn tiếng hò hét, yêu cầu kỳ họp HĐND xã N phải dừng lại. Lực lượng bảo vệ cuộc họp gồm Công an xã và Bộ đội biên phòng đứng ra giải thích, yêu cầu bà con nhân dân không được vào hội trường để cuộc họp được diễn ra theo kế hoạch. Các đối tượng trên không những không chấp hành mà còn lớn tiếng phản đối, yêu cầu dừng cuộc họp để giải quyết những nội dung theo đơn khiếu nại về việc giải quyết bồi thường sự cố môi trường biển. Hoàng Hữu H nói: *"Họp hành chi mà"*. Ngô Văn H3 nói: *"chưa cho họp"*. Lê Văn B nói: *"Giải tán cấy hội đồng ngay, bây họp cấy chi mà họp"*. Nguyễn Văn Q nói: *"Họp cấy chi đã phải, bây tự họp ba láp đây ư"*. Sau đó, B, Q, H, H3 xông vào trong hội trường. Ông Nguyễn Phương L – Chủ tịch HĐND xã N thay mặt chủ tọa kỳ họp giải thích *" HĐND xã hôm nay họp, việc giải quyết đơn thư các cơ quan chức năng đang tiến hành giải quyết",* đồng thời mời mọi người ra về để kỳ họp được tiếp tục nhưng các đối tượng vẫn liên tục nói to tiếng, gây ồn ào nhằm không cho kỳ họp tiến hành. H nói: *"Bây họp mần chi"*, rồi chỉ tay và liên tục nói to tiếng,

ồn ào. B nói *"Họp hội đồng mần chi, tau không cho họp nữa, bây vô đây họp với tau".* Ông L mời B ra khỏi hội trường nhưng B không chấp hành. H3 tiếp tục đi vào hội trường và kêu gọi những người xung quanh: *"Vô đi, vô đây ngồi mà họp"*, *"Bây vô đây, bây kéo vô đây mà họp"*, đồng thời vẫy tay kêu gọi người dân vào hội trường. Tiếp đó, Nguyễn Thị H4 đi vào trong hội trường liên tục nói to tiếng *"Không họp, không họp", "Vô đây, vô đây"* đồng thời vẫy tay gọi mọi người đi vào hội trường. Lê Văn B tiếp tục yêu cầu giải tán kỳ họp, còn các đối tượng đứng phía trong hội trường liên tục nói to tiếng và ngăn cản không cho kỳ họp diễn ra. Anh Nguyễn Phương L và đại biểu hội đồng tiếp tục giải thích nhưng các đối tượng vẫn to tiếng, ồn ào. Lê Văn B nói: *"Không cho họp hội đồng nữa", "Nếu không giải quyết được thì không cho họp hội đồng nữa", "Tui không cho họp nữa".* Hoàng Hữu H chỉ trỏ, nói to tiếng với đại biểu hội đồng. Ông L chủ tọa kỳ họp tiếp tục giải thích, yêu cầu mọi người bình tĩnh và mời những người không đúng thành phần họp ra khỏi hội trường để kỳ họp tiếp tục tiến hành theo kế hoạch, nhưng B, Q, H, H3, H4 và một số người khác vẫn ngồi lại trong hội trường, một số người đứng ở hành lang hội trường vẫn to tiếng, ồn ào, làm cho cuộc họp không diễn ra được. Lê Văn B vừa nói to tiếng vừa dọa đánh anh Nguyễn Phương L, nhưng được mọi người can ngăn. Nguyễn Văn Q xô đẩy Công an viên ra, sau đó túm cổ áo, lôi anh Nguyễn Quốc K (Trưởng Công an xã) ra khỏi cửa Hội trường. Đến 09 giờ 15 phút cùng ngày, ông L buộc phải tạm dừng cuộc họp để tuyên truyền, giải thích, yêu cầu các bị cáo và người dân giải tán, các bị cáo đi ra ngoài sân. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn B đi ra cổng UBND xã, nơi đang để chiếc thuyền máy rồi nổ máy tăng ga liên tục khoảng 03 phút làm ồn ào trụ sở UBND xã. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, cuộc họp tiếp tục, các bị cáo cùng các đối tượng khác lại xông vào khu vực hội trường nói to tiếng, gây ồn ào, lộn xộn. Ông Nguyễn Hữu H – Chủ tịch Ủy ban nhân xã N giải thích cho người dân thì Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2 đi đến chỗ ông H, dùng những lời lẽ thô tục đồng thời xông đến gần ông H thì được mọi người can ngăn. Mặc dù ông Nguyễn Phương L và các đại biểu tham gia kỳ họp đã tích cực giải thích nhưng các bị can không chấp hành mà còn tiếp tục cản trở, không cho kỳ họp HĐND xã tiến hành. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, thấy tình hình phức tạp không thể tiếp tục tiến hành kỳ họp theo kế hoạch, ông Nguyễn Phương L – Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã N thay mặt chủ tọa kỳ họp tuyên bố tạm hoãn kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân xã N Khóa VIII nhiệm kỳ 2016 - 2021 ngày 19/7/2019.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tạm giữ:

- 01 (một) xe ba gác và giao cho bà Ngô Thị H, sinh năm 1972 trú tại thôn L, xã N1 (nay là xã N), huyện L, tỉnh Quảng Bình bảo quản;

- 01 (một) tàu khai thác thủy sản số QB 56230 TS và giao cho bà Ngô Thị T, sinh năm 1988 trú tại thôn N, xã N1 (nay là xã N), huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình bảo quản;

- 01 USB bên trong chứa 11 tập tin video; 01 USB bên trong chứa 15 tập tin video; 01 USB bên trong chứa 06 tập tin video chuyển theo hồ sơ vụ án (tất cả có đặc điểm như miêu tả tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu).

Ngày 06/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 99/CSĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định nội dung các Video có trong 03 USB tạm giữ đã được niêm phong. Tại Kết luận giám định số 4578/C09-P6 ngày 09/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa các tệp video gửi giám định và hoàn lại Cơ quan điều tra Công an huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình toàn bộ mẫu vật gửi giám định.

Bản Cáo trạng số: 14/CT-VKSNDLT ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình H1, Hoàng Hửu H (tên gọi khác: Hoàng Hữu H), Nguyễn Văn H2, Ngô Văn H3 và Nguyễn Thị H4 về "Tội gây rối trật tự công cộng" theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định tuyên bố các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình H1, Hoàng Hửu H (tên gọi khác: Hoàng Hữu H), Nguyễn Văn H2, Ngô Văn H3 và Nguyễn Thị H4 phạm "Tội gây rối trật tự công cộng".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (18/8/2019).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Hửu Hiện, tên gọi khác: Hoàng Hữu H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo theo Quyết định bắt, tạm giam của Hội đồng xét xử.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đình H1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo theo Quyết định bắt, tạm giam của Hội đồng xét xử.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H2 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H4 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Văn H3 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Q 08 (tám) tháng 16 (Mười sáu) ngày tù.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn B với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3 cho UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (12/5/2020) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa theo quyết định trả tự do cho bị cáo của Hội đồng xét xử.

Án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định,

Ngày 19/5/2020 Nguyễn Đình H có đơn kháng cáo; ngày 25/5/2020, Lê Văn B, Hoàng Hửu H có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Lệ Thủy xét xử các bị cáo 24 tháng tù theo điểm c khoản 2 Điều 318 là quá nặng, các Bị cáo chỉ phạm vào khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự và xin hưởng án treo;

Ngày 10/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có quyết định kháng nghị số 1440/QĐ-VKSQB kháng nghị phần áp dụng pháp luật đối với các bị cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm:

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Đình H1, Hoàng Hữu H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q.

Áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3; nêu rõ lý do và áp dụng điều luật cụ thể trả tự do tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn Q .

*Tại phiên tòa phúc thẩm*

- Các bị cáo Lê Văn B, Hoàng Hửu H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2, Ngô Văn H3 và Nguyễn Thị H4 khai, thừa nhận đã có hành vi phạm tội của mình, không kêu oan và không kháng cáo thay đổi khung hình phạt. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh

Quảng Bình và Bản án xét xử các bị cáo tội danh "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm c khoản 2 Điều 318 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo B, H, H1 xin được giảm nhẹ hình phạt .

- Bị cáo Lê Văn B trình bày: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Gia đình, thân nhân có công với cách mạng, bị cáo không phải là chủ mưu cầm đầu, do ăn to nói lớn nên được coi là người tích cực. Bị cáo được Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng tặng kỷ niệm chương "Vì chủ quyền An ninh biên giới"; được Ban Chấp hành trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng Kỷ niệm chương "Vì giai cấp nông dân Việt Nam" và được ban chấp hành hội Nông dân Việt Nam huyện Lệ Thủy tặng giấy khen; Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng khoan hồng của Nhà nước, áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt và áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Hoàng Hửu H và Nguyễn Đình H1 trình bày: Các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thân nhân là liệt sỹ có công với cách mạng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H2, Ngô Văn H3 và Nguyễn Thị H4 khai, thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm. Các bị cáo không kháng cáo và không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Người bào chữa cho các bị cáo B, H, H1, Luật sư Bảo Cường trình bày: Thống nhất theo tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thuỷ và Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải để cho các bị cáo mức án nhẹ nhất, bởi các bị cáo là người lao động, nhất thời phạm tội, đề nghị cho bị cáo H và bị cáo H1 được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về kháng nghị:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 355, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm,

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Đình H1, Hoàng Hữu H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q,

Áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3 đề nghị tăng mức án, xử mỗi bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo H2, H3, H4. Đề nghị nêu rõ lý do và áp dụng điều luật cụ thể trả tự do tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

- Về kháng cáo của các bị cáo:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 356 và 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo B, H, H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/7/2019, khi đang diễn ra cuộc họp Hội đồng nhân dân kỳ họp thứ 9 khóa VIII - nhiệm kỳ 2016-2019 xã N tại Hội trường của HĐND – UBND xã thì bị cáo Lê Văn B cùng với một số người khác đưa tàu khai thác thủy sản số QB 56230 TS (thuộc sở hữu của anh Lê Thanh H – là con ruột của bị cáo B) đến đặt ngang cổng trụ sở UBND xã. Đến khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Văn Q, Hoàng Hửu H, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3 và một số người khác đi vào và đứng trước cửa Hội trường UBND xã, nơi đang diễn ra cuộc họp, hò hét lớn tiếng, yêu cầu cuộc họp phải dừng lại. Mặc dù đã được lực lượng bảo vệ can ngăn, giải thích nhưng các đối tượng không chấp hành mà còn lớn tiếng phản đối, yêu cầu dừng cuộc họp để giải quyết yêu cầu về bồi thường sự cố môi trường biển. Chủ tọa kỳ họp và những người có tham dự kỳ họp cùng với lực lượng chức năng đã giải thích và mời nhưng người không đúng thành phần ra khỏi Hội trường nhưng các bị cáo không chấp hành. B to tiếng đòi đánh anh Nguyễn Phương L – Chủ tịch HĐND xã - là đại biểu tham dự cuộc họp, túm cổ áo lôi anh Nguyễn Quốc K – là Trưởng công an xã ra khỏi hội trường. Đến 09 giờ 15 phút ông L phải tuyên bố tạm dừng cuộc họp, đến 09 giờ 30 phút B ra trước cổng UBND xã nơi để tàu, nổ máy tăng ga liên tục trong 03 phút gây ồn ào. Đến khoảng 10 giờ cuộc họp tiếp tục thì các bị cáo cùng các đối tượng khác xông vào hội trường to tiếng, gây ồn ào, lôn xộn, Ông Nguyễn Hữu H – chủ tịch UBND xã đã ra giải thích thì Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2 đi đến chổ ông H dùng lời lẽ thô tục, đồng thời xông đến chổ ông H thì được mọi người can ngăn. Được nhiều đại biểu giải thích nhưng các bị cáo không chấp hành mà tiếp tục cản trở cuộc họp. Thấy tình hình phức tạp nên đến 10 giờ 30 cùng ngày, ông Nguyễn Phương L – Chủ tịch HĐND xã thay mặt chủ tọa tuyên bố tạm hoãn kỳ họp.

Mặc dù tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Hoàng Hửu H, Nguyễn Đình H1 không thừa nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã truy tố, cho rằng bị truy tố, xét xử oan nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người làm chứng và xem dữ liệu điện tử đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy thu thập được cùng với kết quả tranh tụng tại

phiên tòa phúc thẩm, đã đủ cơ sở để kết luận, vào ngày 19 tháng 7 năm 2019, các bị cáo B, H, H1, Q, H2, H3, H4 đã có hành vi lớn tiếng, không chấp hành việc đưa ra khỏi Hội trường UBND xã N, nơi đang tổ chức kỳ họp HĐND, hò hét làm huyên náo, gây mất trật tự tại hội trường, làm cho kỳ họp không thực hiện được theo kế hoạch. Sau khi lực lượng bảo vệ yêu cầu các bị cáo ra khỏi hội trường, các bị cáo không chấp hành. Hành vi của các bị cáo đã làm cho việc kỳ họp HĐND xã N phải gián đoạn, tạm dừng trong thời gian từ 09 giờ 15 phút đến 10 giờ 00 phút để ổn định. Sau đó khi cuộc họp tiếp tục lúc 10 giờ thì các bị cáo lại tiếp tục gây ồn ào, cản trở nên phải hoãn, lúc 10 giờ 30 phút không thể tiếp tục được. Như vậy các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Hữu H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3 đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng", cản trở hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, phạm vào tình tiết định khung gây đình trệ hoạt động công cộng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đối với các bị cáo về tội danh, hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[ 3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn B, Hoàng Hửu H, Nguyễn Đình H thay đổi kháng cáo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không kháng cáo về khung khoản của tội danh, chỉ kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Xét hành vi của các bị cáo đã gây hậu quả nghiêm trọng, các bị cáo trong đó có Lê Văn B, Hoàng Hửu H (Hoàng Hữu H), Nguyễn Đình H1 đều biết tại Hội trường xã N diễn ra kỳ họp HĐND nhưng vì mục đích cá nhân đã trực tiếp cản trở dẫn đến kỳ họp thứ 9 HĐND xã N khóa VIII nhiệm kỳ 2016-2021 không thể diễn ra theo kế hoạch. Hành vi của các bị cáo đã cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước tại địa phương, gây đình trệ hoạt động công cộng mà cụ thể là gây đình trệ kỳ họp thứ 9 HĐND xã N khóa VIII nhiệm kỳ 2016-2021. Theo quy định tại khoản 5 mục 1 phần 1 của Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì gây hậu quả nghiêm trọng là hành vi cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, gây hậu quả phi vật chất như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, kỷ cương xã hội, xâm phạm đến sự ổn định đời sống của người dân, gây tâm lý hoang mang trong khu dân cư, dẫn đến người dân thiếu tin tưởng vào các cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có thẩm quyền trong việc giữ vững ổn định trật tự an toàn xã hội.. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Văn B, Nguyễn Văn Q, Hoàng Hửu H (Hoàng Hữu H), Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2, Ngô Văn H3, Nguyễn Thị H4 phạm vào tội gây rối trật tự công cộng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Hửu H và Ngô Đình H1 về vai trò đồng phạm: Nhận thấy, Bản án sơ thẩm đã đánh giá hành vi của các bị cáo là không có sự

câu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, do đó không mang tính đồng phạm có tổ chức. Như vậy, án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của các bị cáo trong thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo lợi dụng số đông gây ồn ào, huyên náo, làm mất trật tự tại nơi đang diễn ra cuộc họp, lớn tiếng phản đối làm cho cuộc họp HĐND xã bị hoãn. Kháng cáo của bị cáo H và bị cáo H1 đã được án sơ thẩm xác định đúng nên không phải sửa án sơ thẩm theo kháng cáo của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo B, H, H1, thấy:

Bị cáo Lê Văn B được cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo xuất trình thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ: Đã được Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng tặng Kỷ niệm chương "Vì chủ quyền an ninh biên giới" được Ban chấp hành Hội nông dân Việt nam tặng Kỷ niệm chương "Vì giai cấp nông dân Việt Nam". Được ban chấp hành Hội nông dân huyện Lệ Thủy tặng giấy khen vì có thành tích về công tác Hội và phong trào Nông dân phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới - đây là những thình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo. có bố là ông Lê Văn M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3, mẹ là bà Nguyễn Thị M được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất – là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 của Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Hoàng Hữu H: Tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ Hoàng H là ông nội của bị cáo, có bố là ông Hoàng Văn H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 – là người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần xem xét thêm 02 tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

Đối với bị cáo Ngô Đình H1: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, tham gia với vai trò thứ yếu nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo: Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với kháng nghị về áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, kháng nghị này là có cơ sở, bởi lẽ hành vi của các bị cáo H2, H3, H4 đã phạm vào điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự như nhận định của cấp phúc thẩm, Bản án sơ thẩm không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự mà chỉ áp dụng khoản

2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có thiếu sót, mặc dù phần nhận định của Bản án đã nhận định đúng điểm, khoản, tội danh của bị cáo. Xét thiếu sót này có thể khắc phục nên cần chấp nhận kháng nghị để sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đối với kháng nghị nội dung nêu rõ lý do trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Q, Bản án sơ thẩm không nhận định nội dung này nhằm áp dụng quy định của pháp luật để trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa khi quyết mức án bằng thời hạn tạm giam là có sơ suất, thiếu sót, do vậy cần chấp nhận kháng nghị, sửa án sơ thẩm: Xác định Nguyễn Văn Q có 02 tình tiết giảm nhẹ điểm i và điểm s tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51: Có bố là ông Nguyễn Văn Q1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba – là người có công với cách mạng, bị cáo đầu thú, do đó cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt cho bị cáo là đã đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta. Xét nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt 08 tháng 16 ngày tù là phù hợp nên đã căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q để trả tự do cho bị cáo Q tại phiên tòa sơ thẩm nếu như bị cáo không phạm vào tội khác. Đến nay, bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Đối với kháng nghị về nội dung không áp dụng tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Hửu H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q, thấy:

Theo hướng dẫn tại điểm 4 mục 1 Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì phạm tội lần đầu là chưa bị kết án lần nào, các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Tuy phạm tội nghiêm trọng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự với mức án từ 02 đến 07 năm tù, nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do giữ vai trò thứ yếu khi phân hóa tội phạm trong vụ án, các bị cáo Hoàng Hữu H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q phạm tội do bột phát, có vai trò thứ yếu, trong đó bị cáo Q bỏ về khi hội nghị tạm ngừng, do đó cần áp dụng điểm i, khoản 1 Điều 51 cho các bị cáo là phù hợp.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ vụ án; yêu cầu đấu tranh đối với loại tội phạm vi phạm về trật tự công cộng như các bị cáo đã thực hiện, sau khi xem xét hình phạt mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo trong vụ án; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, Bản án sơ thẩm đã đánh giá, phân tích đúng, đầy đủ các tình tiết khi quyết định hình phạt để xử phạt bị cáo B, H, H1, mỗi bị cáo mức án 24 tháng tù tội "Gây rối trật tự công cộng" , xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, mỗi bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 tháng 16 ngày tù là nghiêm minh và đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới đối với các bị cáo H, H1, B nên căn cứ các điều 355, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này là phù hợp. Bị cáo B có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo H và bị cáo H1 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,

s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do đó, hội đồng xét xử xét áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự xử dưới khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về sửa Bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật là có cơ sở.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Các Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Văn B, Hoàng Hửu H (Hoàng Hữu H), Nguyễn Đình H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về tội danh, sửa án sơ thẩm về hình phạt.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình để sửa án sơ thẩm

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318 đối với của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3.

- Căn cứ Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa sơ thẩm. (Theo quyết định trả tự do của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vì đã chấp hành xong hình phạt ngày 12/5/2020)

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hửu H, Nguyễn Đình H1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H4, Ngô Văn H3, Nguyễn Văn Q.

3. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn B 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 18/8/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Hửu H (tên gọi khác: Hoàng Hữu H) 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 12/5/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đình H1 20 (Hai mươi) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam là ngày 12/5/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H2 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H4 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Văn H3 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Q 08 (tám) tháng 16 (mười sáu) ngày tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

2. Các bị cáo Lê Văn B, Hoàng Hửu H (Hoàng Hữu H) và Nguyễn Đình H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm *(ngày 21 tháng 8 năm 2020).*

***Nơi nhận:***
- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Đức Long**